

BỘ CÔNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1183** /BCA-V03

Hà Nội, ngày **04** tháng **4** năm **2024**.

V/v đề nghị thẩm định Hồ sơ đề
nghị xây dựng Luật Dữ liệu

Kính gửi: Bộ Tư pháp

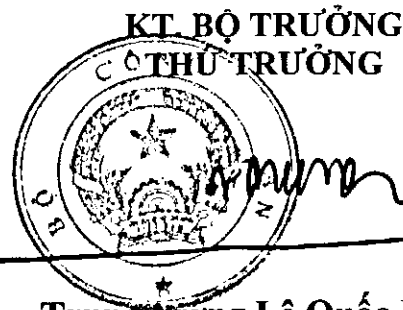
Ngày 08/01/2024, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 04/TB-VPCP thông báo Kết luận Phiên họp tổng kết hoạt động năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số. Theo đó, Bộ Công an được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan nghiên cứu, tham mưu, đề xuất xây dựng Luật Dữ liệu.

Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Dữ liệu đã được chỉnh lý, hoàn thiện trên cơ sở tiếp thu ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Công an các đơn vị, địa phương. Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Công an trân trọng gửi đến các đồng chí Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Dữ liệu và đề nghị thẩm định.

Rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của các đồng chí ~~ch~~

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, V03 (P3).



Trung tướng Lê Quốc Hùng

Số: *155*/TTr-BCA

Hà Nội, ngày *04* tháng *4* năm 2024

TỜ TRÌNH
Đề nghị xây dựng Luật Dữ liệu

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Công an kính trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật Dữ liệu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Chuyển đổi số được Đại hội XIII của Đảng xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, giải pháp đầy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ công cuộc chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số như:

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định chính sách khoa học và công nghệ cho phát triển công nghiệp: “Khuyến khích đầu tư, phát triển xây dựng các trung tâm dữ liệu lớn; đẩy mạnh phát triển khoa học phân tích, quản lý và xử lý dữ liệu lớn nhằm tạo ra các sản phẩm, tri thức mới”.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư xác định “Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia. Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất”.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên; trong đó có phát triển công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và sản xuất chíp bán dẫn).

- Điều 62 Hiến pháp năm 2013 cũng quy định: (1) Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; (2) Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ

chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; (3) Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ.

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định “đưa Việt Nam trở thành một trong những trung tâm dữ liệu khu vực. Xây dựng các trung tâm dữ liệu gắn với các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế; phát triển các cụm trung tâm dữ liệu quốc gia tại khu vực phía Bắc và khu vực phía Nam.”

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 đã xác định xây dựng, phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương.

- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 đã giao Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng, vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia. Nâng cao nhận thức của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quản trị dữ liệu”.

Bên cạnh đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành nhiều quyết định có tính định hướng quan trọng về phát triển dữ liệu, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin trong chuyển đổi số ở nước ta như: Chiến lược dữ liệu quốc gia quy định tại Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Đề án xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia quy định tại Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ, Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 quy định tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Do vậy, việc hoàn thiện pháp luật, quy định những chính sách trong phát triển, ứng dụng dữ liệu vào công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội là yêu cầu rất cấp thiết; tạo điều kiện cho mọi người dân được thụ hưởng lợi ích từ hoạt động chuyển đổi số.

2. Cơ sở thực tiễn

Quán triệt, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, nhất là những vấn đề liên quan đến xây dựng, tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu đã đạt được một số kết quả tích cực như: Bước đầu khởi tạo và hình thành được 07 Cơ sở dữ liệu quốc gia; một số Cơ sở dữ liệu quốc gia đã có sự kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu góp phần cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân; hạ tầng công nghệ xây dựng các Trung tâm dữ liệu bước đầu được quan tâm đầu tư hơn...

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế như: (1) Một số bộ, ngành không có hoặc có nhưng chưa đầy đủ hạ tầng để triển khai các hệ thống công nghệ thông tin cốt lõi phục vụ cho các công tác nghiệp vụ; (2) Nhiều cơ sở dữ liệu được thu thập, lưu trữ trùng lặp, chồng chéo, chưa được chuẩn hóa, thống

nhất về tiêu chuẩn, danh mục nên không có khả năng kế thừa, khó khăn khi kết nối, chia sẻ, khai thác dùng chung; (3) Các trung tâm dữ liệu đầu tư thiếu đồng bộ, không đạt các tiêu chuẩn quy định, không bảo đảm mức độ an ninh, an toàn hệ thống, không thường xuyên được kiểm tra, bảo trì, nâng cấp; (4) Một số bộ, ngành, địa phương thuê dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin tiềm ẩn nhiều rủi ro về an ninh an toàn thông tin do chưa thực sự quản lý, kiểm soát được dữ liệu nhà nước trên hạ tầng của doanh nghiệp; (5) Nhân lực vận hành, quản trị các hệ thống thông tin vừa thiếu, vừa yếu; (6) Các cơ sở dữ liệu quốc gia theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ chưa được xây dựng đầy đủ; (7) Nhiều hệ thống thông tin còn lỗ hổng bảo mật, không đủ điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư...

Hiện nay việc kết nối, chia sẻ thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các bộ, ngành, địa phương đang được triển khai thực hiện quyết liệt đem lại những kết quả thiết thực, phục vụ có hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công. Nhiều bộ, ngành, địa phương đã tiết kiệm được chi phí trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu riêng hoặc không cần thiết phải xây dựng cơ sở dữ liệu riêng khi đã được kết nối, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Việc xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung là xu thế chung của các nước trên thế giới hiện nay. Do vậy, việc xây dựng, phát triển Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với dữ liệu gắn với con người và các dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia sẽ là trụ cột dữ liệu chính để tạo nền tảng cho phát triển Chính phủ số, thúc đẩy kinh tế số và hình thành xã hội số. Hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định của Nhà nước và doanh nghiệp từ đó triển khai các giải pháp kết nối để chia sẻ, sử dụng lại và phát triển các mô hình/ứng dụng phân tích dữ liệu chuyên sâu để tạo ra nhiều giá trị mới, sản phẩm dịch vụ mới và động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn chuyển đổi số của Việt Nam. Việc đầu tư, nâng cấp, mở rộng, lưu trữ thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia sẽ tiết kiệm rất nhiều so với việc đầu tư các hệ thống riêng biệt để lưu trữ các thông tin này. Các thông tin được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia cũng sẽ được chia sẻ phục vụ để việc khai thác chung cho các bộ, ngành, địa phương; cơ quan quản lý dữ liệu không phải thiết lập thêm các kênh kết nối, chia sẻ riêng đối với các thông tin đã được bổ sung, lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

Qua rà soát, hiện có 69 Luật đang quy định về cơ sở dữ liệu (Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành). Qua phân tích thống kê tại các văn bản luật đã quy định về 33 cơ sở dữ liệu quốc gia, 39 cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cụ thể: *(chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo đánh giá tác động trong hồ sơ dự án luật)*

(1) Về các trường thông tin có trong cơ sở dữ liệu: 16 cơ sở dữ liệu đã quy định rõ các trường thông tin, 30 cơ sở dữ liệu có quy định nhưng chưa cụ thể các trường thông tin, 26 cơ sở dữ liệu không quy định các trường thông tin;

(2) Về mô tả, định nghĩa về cơ sở dữ liệu: 34 cơ sở dữ liệu đã được nêu rõ mô tả, định nghĩa cụ thể; 07 cơ sở dữ liệu có quy định nhưng chưa cụ thể; 31 cơ sở dữ liệu không được định nghĩa;

(3) Về hình thức khai thác, chia sẻ: 18 cơ sở dữ liệu đã được quy định cụ thể về hình thức khai thác, chia sẻ dữ liệu; 14 cơ sở dữ liệu có quy định nhưng chưa cụ thể về hình thức khai thác, chia sẻ; 40 cơ sở dữ liệu không quy định.

Hiện nay trên cơ sở các quy định pháp luật và khảo sát thực tiễn của Bộ Công an các bộ ngành, địa phương đã triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, trong đó có 09 cơ sở dữ liệu quốc gia và 105 cơ sở dữ liệu chuyên ngành (*chi tiết tại phụ lục kèm theo báo cáo đánh giá tác động chính sách trong hồ sơ đề nghị xây dựng luật*).

Trong các luật đã rà soát, chỉ có một số luật có quy định về trách nhiệm của cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu trong việc xây dựng, thu thập, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu. Tuy nhiên, tất cả các luật đều không quy định cụ thể hoặc thống nhất về việc xây dựng, thu thập, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin trong các cơ sở dữ liệu; điều chỉnh các nền tảng phát triển, ứng dụng dữ liệu đang có xu hướng phát triển phổ biến trên thế giới như công nghệ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, công nghệ chuỗi khối, công nghệ truyền thông dữ liệu, công nghệ internet vạn vật và công nghệ dữ liệu lớn; chưa có quy định cụ thể về cơ sở dữ liệu được tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, hoạch định đường lối, chính sách, phát triển kinh tế - xã hội, cải cách thủ tục hành chính, dịch vụ công, bảo đảm lợi ích của tổ chức, cá nhân.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 175/NQ-CP phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia đã xác định đến Quý IV năm 2025 Trung tâm dữ liệu quốc gia sẽ đi vào hoạt động, là nơi lưu trữ, tổng hợp, phân tích, điều phối dữ liệu, cung cấp hạ tầng cho các bộ, ngành, địa phương. Tuy nhiên, hiện nay chưa có đầy đủ cơ sở pháp lý phục vụ triển khai các nhiệm vụ nêu trên; do vậy, việc xây dựng luật với tên gọi là Luật Dữ liệu là hết sức quan trọng, cần thiết, cấp thiết để bảo đảm bao quát đầy đủ các nội dung quy định được điều chỉnh liên quan đến các vấn đề nêu trên nhằm thực hiện thống nhất, đồng bộ, sử dụng hiệu quả thông tin trong các cơ sở dữ liệu, phục vụ công tác quản lý nhà nước, vừa bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội, vừa thắt chặt quản lý dữ liệu cá nhân và dữ liệu phi cá nhân, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

Việc xây dựng dự án Luật Dữ liệu nhằm mục đích sau:

Một là, tạo sự thống nhất, đồng bộ, sử dụng hiệu quả dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội.

Điều chỉnh toàn diện về hoạt động xử lý, quản trị, điều phối dữ liệu; xác định rõ công tác quản lý nhà nước về dữ liệu.

Quy định về xây dựng, phát triển Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với dữ liệu gắn với con người và các dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia sẽ là trụ cột dữ liệu chính để tạo nền tảng cho phát triển Chính phủ số, thúc đẩy kinh tế số và hình thành xã hội số. Hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định của Nhà nước và doanh nghiệp từ đó triển khai các giải pháp kết nối để chia sẻ, sử dụng lại và phát triển các mô hình/ứng dụng phân tích dữ liệu chuyên sâu để tạo ra nhiều giá trị mới, sản phẩm dịch vụ mới và động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn chuyển đổi số của Việt Nam.

Hai là, phục vụ phát triển Chính phủ số và cải cách, cắt giảm thủ tục hành chính

Cung cấp hạ tầng phục vụ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia và hình thành kho thông tin định danh số cho công dân, tổ chức trong thực hiện các thủ tục hành chính, kết hợp cùng với việc tích hợp đồng bộ, liên thông giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia khác sẽ giúp phát triển Chính phủ số và cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính không còn phù hợp, gia tăng sự hài lòng của người dân với hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước. Hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách của Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương trên nền tảng dữ liệu số.

Quy định rõ trách nhiệm và phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các bộ, ngành, địa phương trong xây dựng, phát triển, ứng dụng dữ liệu, bảo đảm kịp thời, thống nhất, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Ba là, phát triển kinh tế - xã hội

Thúc đẩy các giao dịch thương mại trên môi trường số được thường xuyên, liên tục, an toàn và minh bạch hơn. Đồng thời hình thành và từng bước mở rộng kho dữ liệu về con người để người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng phục vụ sáng tạo, triển khai các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh mới góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số và xây dựng xã hội số.

Bốn là, phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia

Trung tâm dữ liệu quốc gia khi đưa vào triển khai hoạt động sẽ là tiền đề để thúc đẩy quá trình phát triển và đẩy mạnh khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; góp phần thực hiện mục tiêu nâng tầm chiến lược phát triển kinh tế số của Việt Nam theo kịp các quốc gia trên thế giới, bảo đảm điều kiện cho Việt Nam phát triển và hòa nhập với nền kinh tế số của thế giới.

2. Quan điểm xây dựng Luật

Quan điểm xây dựng dự án Luật Dữ liệu:

Một là, quán triệt và cụ thể hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về dữ liệu; phù hợp với tiến trình hội nhập, mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế; phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Hai là, bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số quốc gia, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, xã hội số.

Ba là, việc xây dựng dự án Luật được tiến hành trên cơ sở tổng kết thực tiễn trong những năm qua; khắc phục những tồn tại, bất cập, hạn chế; thực hiện thống nhất, đồng bộ, sử dụng hiệu quả thông tin trong các cơ sở dữ liệu, phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật.

Bốn là, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc khai thác, vận hành Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Năm là, tham khảo có chọn lọc pháp luật về quản lý dữ liệu của một số nước, phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về xây dựng, phát triển; xử lý, quản trị dữ liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu; Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; Trung tâm dữ liệu quốc gia; sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; quản lý nhà nước về dữ liệu; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động về dữ liệu.

2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động về dữ liệu tại Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT DỮ LIỆU

Bộ Công an đề xuất 04 chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Dữ liệu gồm:

1. Chính sách 1: Quy định về xây dựng, phát triển, quản trị, xử lý dữ liệu, ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu, quản lý nhà nước về dữ liệu.

a) Mục tiêu của chính sách

Xử lý dữ liệu là một hoặc nhiều hoạt động tác động tới dữ liệu, như: thu thập, ghi, phân tích, tổng hợp, xác nhận, xác thực, lưu trữ, chỉnh sửa, cập nhật, điều chỉnh, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu hoặc các hoạt động khác có liên quan. Quản trị dữ liệu là hoạt động tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược dữ liệu; biện pháp quản lý, xử lý dữ liệu, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, bảo mật của dữ liệu.

Xây dựng quy định điều chỉnh các hoạt động liên quan đến dữ liệu, nhất là các chính sách về xây dựng, phát triển, xử lý, quản trị, bảo vệ dữ liệu, ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu, xác định và quản lý rủi ro có thể phát sinh trong chuỗi cung ứng dữ liệu; hợp tác quốc tế dữ liệu để góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về dữ liệu và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, xây dựng tiêu chuẩn chung về dữ liệu để áp dụng thống nhất, đồng bộ.

b) Nội dung của chính sách

Quy định về chiến lược dữ liệu; xử lý dữ liệu (gồm các hoạt động thu thập, ghi, phân tích, tổng hợp, xác nhận, xác thực, lưu trữ, chỉnh sửa, cập nhật, điều chỉnh, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu hoặc các hoạt động khác có liên quan); quản trị dữ liệu, bảo vệ dữ liệu, chất lượng dữ liệu, cung cấp dữ liệu; xác định và quản lý rủi ro có thể phát sinh trong chuỗi cung ứng dữ liệu; hợp tác quốc tế về dữ liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu đang có xu hướng phát triển phổ biến trên thế giới như công nghệ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, công nghệ chuỗi khối, công nghệ truyền thông dữ liệu, công nghệ internet vạn vật và công nghệ dữ liệu lớn...

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

Giải pháp thực hiện chính sách:

- Quy định về thu thập, ghi, phân tích, tổng hợp, xác nhận, xác thực, lưu trữ, chỉnh sửa, cập nhật, điều chỉnh, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu; chất lượng dữ liệu, cung cấp dữ liệu;

- Quy định về quản lý nhà nước về dữ liệu;

- Quy định về chiến lược dữ liệu;

- Quy định về quản trị dữ liệu;

- Quy định về bảo vệ dữ liệu;

- Quy định về xác định và quản lý rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu;

- Quy định về hợp tác quốc tế về dữ liệu;

- Quy định về Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia;

- Quy định về ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu, bao gồm các nội dung về:

(1) Nhà nước ưu tiên việc xử lý, quản trị dữ liệu thông qua ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, công nghệ chuỗi khối, công nghệ truyền thông dữ liệu, công nghệ internet vạn vật, công nghệ dữ liệu lớn và các công nghệ hiện đại khác để phục vụ công tác quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng yêu cầu trong chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

(2) Nguyên tắc trong phát triển công nghệ trong xử lý dữ liệu.

(3) Nguyên tắc trong ứng dụng công nghệ (vào quản lý nhà nước, vào phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ hoạt động của xã hội).

(4) Định hướng phát triển, sử dụng các công nghệ tại Việt Nam.

- Lý do lựa chọn:

Đối với cơ quan nhà nước: Giảm tải các chi phí trong đầu tư xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc xây dựng, thu thập, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin trong các cơ sở dữ liệu; hoàn thiện, tạo cơ chế chính sách để xây dựng phát triển dữ liệu phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số. Thu được các lợi ích

kinh tế khi quản lý các nền tảng công nghệ về trí tuệ nhân tạo; điện toán đám mây; công nghệ chuỗi khối; công nghệ truyền thông dữ liệu; công nghệ Internet vạn vật; công nghệ dữ liệu lớn và các công nghệ hiện đại khác.

Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: Giảm chi phí trong việc khai thác, sử dụng dữ liệu; có nhiều lựa chọn dịch vụ liên quan ứng dụng dữ liệu trong các hoạt động kinh tế. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức doanh nghiệp trong hoạt động phát triển các nền tảng công nghệ về trí tuệ nhân tạo; điện toán đám mây; công nghệ chuỗi khối; công nghệ truyền thông dữ liệu; công nghệ internet vạn vật; công nghệ dữ liệu lớn và các công nghệ hiện đại khác.

2. Chính sách 2: Quy định về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

a) Mục tiêu của chính sách

Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia là cơ sở dữ liệu được tổng hợp từ nhiều nguồn cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác nhau của các ban, bộ, ngành chia sẻ dùng chung và dữ liệu khác. Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia gồm các trường thông tin được đồng bộ từ dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung theo quy định của Luật Dữ liệu. Dữ liệu được đồng bộ thông qua các nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, bảo đảm dữ liệu đáp ứng tiêu chí: đúng, đủ, sạch, sống.

Quy định về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia để tập hợp, tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ, phân tích, khai thác, điều phối dữ liệu của các cơ quan nhà nước và dữ liệu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật nhằm hình thành kho dữ liệu về con người và kho dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; dữ liệu tại cơ sở dữ liệu tổng hợp là nền tảng cốt lõi cung cấp các dịch vụ liên quan đến dữ liệu, hỗ trợ hoạch định chính sách, kiến tạo phát triển, xây dựng Chính phủ số, xã hội số và kinh tế số, bảo đảm quốc phòng an ninh.

b) Nội dung của chính sách

Quy định về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, bao gồm:

(1) Đồng bộ toàn bộ dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và đồng bộ dữ liệu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tự nguyện cung cấp hoặc bắt buộc cung cấp về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia trong trường hợp ứng phó với tình trạng khẩn cấp (như trường hợp khẩn cấp về quốc phòng, an ninh, sức khỏe cộng đồng hoặc các thảm họa lớn do thiên nhiên hoặc do con người gây ra).

(2) Hoạt động xử lý, quản trị, chia sẻ dữ liệu liên quan đến Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

(3) Trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cá nhân, tổ chức khác;

(4) Mọi quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, công dịch vụ công quốc gia và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác;

(5) Phí, giá khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

- Giải pháp thực hiện chính sách: Quy định về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia trên cơ sở đồng bộ toàn bộ dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tự nguyện cung cấp hoặc bắt buộc cung cấp về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia trong trường hợp ứng phó với tình trạng khẩn cấp (như trường hợp khẩn cấp về quốc phòng, an ninh, sức khỏe cộng đồng hoặc các thảm họa lớn do thiên nhiên hoặc do con người gây ra).

- Lý do lựa chọn:

Đối với cơ quan nhà nước: Giảm chi phí khi triển khai cung cấp các dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử và chi phí vận hành, quản lý cơ sở dữ liệu điện tử; tận dụng thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia để phân tích, đưa ra các giải pháp điều hành phục vụ phát triển kinh tế; tận dụng, phát huy được tối đa lợi ích của dữ liệu để phát triển kinh tế số; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số của đất nước; tận dụng được tài nguyên dữ liệu được chia sẻ từ các doanh nghiệp, cá nhân cho nhà nước để phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xử lý kịp thời các trường hợp khẩn cấp về quốc phòng, an ninh, sức khỏe cộng đồng hoặc các thảm họa lớn do thiên nhiên hoặc do con người gây ra.

Đối với tổ chức, cá nhân: Hạn chế phát sinh chi phí để bảo đảm an ninh, an toàn khi tham gia các hoạt động giao dịch điện tử; khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; cắt giảm chi phí thực hiện các thủ tục hành chính do các thủ tục hành chính, các dịch vụ công được thực hiện liên thông.

3. Chính sách 3: Quy định về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

a) Mục tiêu của chính sách

Trung tâm dữ liệu quốc gia là trung tâm dữ liệu do Chính phủ xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành đảm bảo thống nhất, ổn định, bền vững. Trung tâm dữ liệu quốc gia tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ, phân tích, khai thác, điều phối dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật nhằm hình thành kho dữ liệu về con người và kho dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Giúp Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương: (1) Tập trung nguồn lực hạ tầng, công nghệ; (2) Giải quyết vấn đề hạn chế của các hệ thống thông tin, của việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; (3) Tăng cường hiệu quả, tính minh bạch trong quản lý nhà nước, hiện đại hóa quy trình quản trị quốc gia; (4) Tiết kiệm nguồn lực đầu tư của nhà nước và xã hội; (5) Bảo đảm nguyên tắc phát triển xanh, chuyên sâu, hiệu quả đối với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

b) Nội dung của chính sách

- Quy định về vị trí, vai trò của Trung tâm dữ liệu quốc gia

- Quy định về đăng ký, cấp tài nguyên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ hoạt động quản trị cơ sở dữ liệu thì bổ sung quy định về việc bảo đảm cung cấp hạ tầng cho hoạt động quản trị hệ thống thông tin khác của các cơ quan

nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (trừ hệ thống phục vụ quốc phòng, an ninh, các hệ thống chuyên ngành đặc thù khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định): Các cơ quan, đơn vị có thể sử dụng hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia hoặc tự đầu tư hạ tầng theo tiêu chuẩn và đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Quy định về Quản trị, vận hành, sử dụng tài nguyên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia: Trung tâm dữ liệu quốc gia quản lý và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; đồng thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong quá trình tích hợp, chia sẻ dữ liệu tại vùng dùng chung của Trung tâm dữ liệu quốc gia. Các bộ, ban, ngành, địa phương và tổ chức chính trị xã hội tiếp tục thực hiện việc quản lý cơ sở dữ liệu trong hệ thống của đơn vị mình, phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia bảo đảm an ninh an toàn thông tin hệ thống, bảo mật dữ liệu tại đơn vị trong quá trình đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Quy định về nâng cấp, bảo trì, sửa chữa hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia: Thực hiện theo nguyên tắc cơ quan nào đầu tư thì cơ quan đó chịu trách nhiệm nâng cấp, bảo trì, sửa chữa.

- Quy định về bố trí nguồn vốn để xây dựng, phát triển, nâng cấp và ưu tiên đầu tư trang thiết bị hiện đại cho Trung tâm dữ liệu quốc gia gồm: ⁽¹⁾ Nguồn vốn phục vụ Trung tâm dữ liệu quốc gia được lấy từ kinh phí nhà nước từ nguồn ngân sách nhà nước đầu tư cho các bộ, ngành và kinh phí từ trung ương dự kiến hỗ trợ ngân sách địa phương; ⁽²⁾ lợi nhuận từ việc cung cấp dịch vụ từ dữ liệu; ⁽³⁾ bổ sung quy định về việc thành lập, sử dụng Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia.

- Quy định về việc sử dụng Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ chia sẻ dữ liệu giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ quan, tổ chức. Nền tảng này không xung đột mà sẽ hỗ trợ và được sử dụng song song với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

- Quy định về lộ trình triển khai, quy định chuyển tiếp khi áp dụng: Thực hiện Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an đang xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 1 tại khu công nghệ cao Hòa Lạc, thành phố Hà Nội, dự kiến sẽ hoàn thiện và đi vào sử dụng từ cuối năm 2025. Do vậy lộ trình chuyển đổi hệ thống từ các bộ, ngành về Trung tâm dữ liệu quốc gia tại Nghị quyết 175/NQ-CP và lộ trình có hiệu lực của Luật dữ liệu (01/01/2026) là khả thi và phù hợp.

- Quy định về bảo vệ dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia (trách nhiệm của Trung tâm dữ liệu quốc gia; trách nhiệm của đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu đặt tại Trung tâm; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng dữ liệu).

- Quy định về bảo đảm nguồn lực hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia:

(1) Nhà nước bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất, đất đai, trụ sở, công trình cho hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

(2) Bảo đảm nguồn nhân lực cho các hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia, có phương án thuê chuyên gia, doanh nghiệp, bảo đảm chất lượng dịch

vụ và an ninh, an toàn hệ thống. Quy định về đào tạo, bồi dưỡng nhân lực và chế độ, chính sách đãi ngộ cho nguồn nhân lực chất lượng cao.

(3) Quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi cho tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp được hưởng ưu đãi tương tự như các doanh nghiệp, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, đổi mới sáng tạo.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

- Giải pháp thực hiện chính sách: Quy định về việc xây dựng, phát triển, sử dụng chung hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ hoạt động quản trị cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; quy định về việc bảo đảm cung cấp hạ tầng cho hoạt động quản trị hệ thống thông tin khác của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội

- Lý do lựa chọn:

Đối với Nhà nước: Giảm chi phí đầu tư cho Nhà nước về hạ tầng, nguồn lực chuyển đổi số, Nhà nước tập trung đầu tư cho việc phát triển đội ngũ vận hành hạ tầng Trung tâm dữ liệu duy nhất; bảo đảm thống nhất quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, cho hoạt động thu thập, lưu trữ, quản lý, khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu trong phạm vi cả nước; sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đáp ứng yêu cầu phát triển xây dựng chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; tiết kiệm được kinh phí đối với việc bố trí hoạt động quản trị các hệ thống thông tin ngoài cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

Đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: Được đăng ký, sử dụng dịch vụ hạ tầng trung tâm dữ liệu quốc gia, dịch vụ điện toán đám mây do Chính phủ cung cấp, giảm nguồn lực đầu tư, giảm mối lo ngại về lộ lọt dữ liệu;

Các bộ, ngành, địa phương tiết kiệm được chi phí thu thập, làm sạch dữ liệu về dân cư khi khai thác, sử dụng thông tin có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4. Chính sách 4: Quy định về các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu

a) Mục tiêu của chính sách

Sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu là sản phẩm, dịch vụ liên quan đến hoạt động xử lý dữ liệu nhằm mục đích thương mại. Dữ liệu là nguồn tài nguyên mới, là huyết mạch của các cơ quan, tổ chức hiện nay, nó được tạo lập từ nhiều nguồn khác nhau để mở ra không gian hoạt động và phát triển kinh tế - xã hội cho các quốc gia. Việc thiết lập thị trường dữ liệu, xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu hiện nay lại có vai trò rất quan trọng, được xem là yếu tố đột phá để từng bước tạo lập và thúc đẩy mở thị trường dữ liệu, lấy thị trường dữ liệu làm động lực phát triển dữ liệu và kích thích, thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, các lĩnh vực, tăng năng lực cạnh tranh, bảo đảm cho tiến trình chuyển đổi số ở nước ta.

Theo Chiến lược dữ liệu quốc gia quy định tại Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ thì sẽ giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì việc xây dựng các sản giao dịch dữ liệu. Tuy nhiên, hoạt động giao dịch dữ liệu tiềm ẩn nhiều nguy cơ, tác động lớn đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, cần thiết phải quy định tại Luật này việc xây dựng, quản lý sản giao dịch dữ liệu và bổ sung quy định về các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu để thực hiện quản lý bảo đảm chặt chẽ, thống nhất, bảo đảm an ninh, an toàn.

Bên cạnh đó, cũng cần hoàn thiện quy định về giá, phí đối với hoạt động cung cấp, kết nối, chia sẻ dữ liệu công, cũng như phương thức trao đổi, mua bán, giao dịch sản phẩm, dịch vụ dữ liệu.

b) Nội dung của chính sách

Quy định về các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu (quy định đối với việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở dữ liệu do cơ quan nhà nước tạo lập và cơ sở dữ liệu do tổ chức, cá nhân khác tạo lập), gồm:

(1) Trung tâm dữ liệu quốc gia (đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc Trung tâm) sử dụng nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu để cung cấp các dịch vụ:

- Xác thực điện tử đối với dữ liệu không gắn với chủ thể danh tính điện tử.
- Sản phẩm, dịch vụ phân tích và tổng hợp dữ liệu.
- Sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu.
- Sản giao dịch dữ liệu

(2) Quản lý đối với tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

- Giải pháp thực hiện chính sách: Quy định về các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu (quy định đối với việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở dữ liệu do cơ quan nhà nước tạo lập và cơ sở dữ liệu do tổ chức, cá nhân khác tạo lập)

- Lý do lựa chọn:

Đối với Nhà nước: Giảm chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khi sử dụng các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu. Giúp tái sử dụng những dữ liệu đã có; từ đó, giúp nhà nước tiết kiệm chi phí, không mất chi phí để thu thập hoặc yêu cầu người dân cung cấp các thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu.

Đối với tổ chức, doanh nghiệp: Được tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu, dễ dàng chuyển đổi dữ liệu; giảm chi phí trong thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự. Việc tìm kiếm dữ liệu cần thiết sẽ được thực hiện nhanh chóng, từ đó có cái nhìn đa chiều để đánh giá và lựa chọn dữ liệu phù hợp.

Đối với cá nhân: Người dân được tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch

vụ liên quan đến dữ liệu; được tìm kiếm dữ liệu của bản thân và các thông tin cần thiết khác một cách nhanh chóng với nhiều hình thức đa dạng, đầy đủ ở nhiều lĩnh vực; tiết giảm được các chi phí trong việc đề nghị cơ quan, tổ chức cấp trích lục, chứng thực các loại giấy tờ của bản thân...; giảm chi phí trong thực hiện thủ tục hành chính như chi phí bưu chính, kê khai nhiều loại giấy tờ khác nhau... Số liệu cung cấp dịch vụ chấm điểm tín dụng, số liệu về việc khai thác dịch vụ cung cấp thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT DỮ LIỆU SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Về bảo đảm nguồn nhân lực

Việc bảo đảm nguồn nhân lực trong triển khai thi hành Luật Dữ liệu cơ bản là đội ngũ những người làm công tác xử lý, quản trị dữ liệu hiện có của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội. Dự án Luật không quy định về biên chế. Tuy nhiên, để bảo đảm thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện Luật sau khi được thông qua, Luật đã có quy định về tổ chức của Trung tâm dữ liệu quốc gia; việc quy định nội dung này trong Luật Dữ liệu là phù hợp và tương đồng với nhiều luật khác có quy định về tổ chức như: Luật Cơ yếu, Luật Cảnh sát cơ động, Luật Cảnh sát biển... Việc quy định thành lập một đơn vị mới thuộc Bộ Công an vẫn nằm trong tổng thể số lượng đầu mối các đơn vị của Bộ Công an đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, dự kiến Trung tâm dữ liệu quốc gia sẽ thu hút, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ nhân lực thực hiện vận hành, quản trị hệ thống đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế trong quản trị dữ liệu.

2. Về bảo đảm nguồn tài chính

a) Việc bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật về cơ bản do ngân sách nhà nước bảo đảm và nguồn thu từ việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu. Việc xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia hiện đang triển khai thực hiện trên cơ sở thi hành Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia nên không làm phát sinh đột biến chi ngân sách nhà nước. Do vậy, việc thực hiện các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật là hoàn toàn khả thi.

b) Kinh phí bồi dưỡng, tập huấn, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thi hành Luật Dữ liệu sau khi được Quốc hội thông qua và kinh phí phục vụ việc quản lý, duy trì hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia; đầu tư cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực công nghệ bảo đảm cho xây dựng, quản lý Trung tâm dữ liệu quốc gia. Việc sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, nội dung, chế độ, định mức chi theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

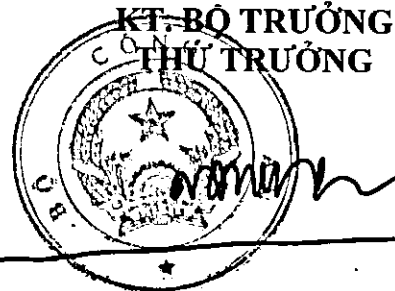
Bộ Công an kiến nghị Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề trình Quốc hội đưa dự án Luật Dữ liệu vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 của Quốc hội Khóa XV; dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV và xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Luật Dữ liệu, Bộ Công an kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Gửi kèm theo: Báo cáo tổng kết, Báo cáo đánh giá tác động, Đề cương chi tiết Luật, Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia và các tài liệu khác có liên quan)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- C06, H05, A05;
- Lưu: VT, V03 (P3).



Trung tướng Lê Quốc Hùng



ĐU THẢO ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT LUẬT DỮ LIỆU

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về xây dựng, phát triển, xử lý, quản trị dữ liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu; Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; Trung tâm dữ liệu quốc gia; sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; quản lý nhà nước về dữ liệu; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động về dữ liệu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động về dữ liệu tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dữ liệu* là sự thể hiện dưới dạng kỹ thuật số của các hành vi, sự vật, sự kiện, thông tin, bao gồm dạng âm thanh, hình ảnh, chữ số, chữ viết, ký hiệu hoặc dạng tương tự khác.

2. *Xử lý dữ liệu* là một hoặc nhiều hoạt động tác động tới dữ liệu, như: thu thập, ghi, phân tích, tổng hợp, xác nhận, xác thực, lưu trữ, chỉnh sửa, cập nhật, điều chỉnh, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu hoặc các hoạt động khác có liên quan.

3. *Quản trị dữ liệu* là hoạt động tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược dữ liệu; biện pháp quản lý, xử lý dữ liệu, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, bảo mật của dữ liệu.

4. *Dịch vụ trung gian dữ liệu* là dịch vụ thực hiện hoạt động truyền đưa dữ liệu giữa chủ thể quản lý dữ liệu và cơ quan, tổ chức, cá nhân được sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

5. *Sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu* là sản phẩm, dịch vụ liên quan đến hoạt động xử lý dữ liệu nhằm mục đích thương mại.

6. *Chiến lược dữ liệu* là một kế hoạch dài hạn xác định công nghệ, quy trình, con người và quy tắc cần có để quản lý dữ liệu.

7. *Dữ liệu phi cá nhân* là dữ liệu không gắn liền với một con người cụ thể hoặc không giúp xác định một con người cụ thể.

8. *Cơ sở dữ liệu* là tập hợp các dữ liệu được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý và cập nhật thông tin.

9. *Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia* là cơ sở dữ liệu được tổng hợp từ nhiều nguồn cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác nhau của các ban, bộ, ngành chia sẻ dùng chung và dữ liệu khác.

10. *Sàn giao dịch dữ liệu* là sàn giao dịch trực tuyến qua mạng tạo môi trường giao dịch dữ liệu có sự giám sát đảm bảo an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật; phát triển các dịch vụ dữ liệu như tổng hợp, phân tích, dán nhãn dữ liệu.

11. *Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu* là hạ tầng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Chính phủ để phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia với các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

12. Tiêu chuẩn dữ liệu: Các quy định về định dạng dữ liệu, trao đổi dữ liệu phục vụ thu thập, lưu trữ, trao đổi dữ liệu”.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

2. Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm tính toàn vẹn của dữ liệu.

3. Đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng trong tiếp cận, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu.

4. Thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin, dữ liệu, tài liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời; quản lý tập trung, thống nhất, chặt chẽ, duy trì, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng hiệu quả, lưu trữ lâu dài.

5. Khai thác, điều phối dữ liệu đảm bảo hiệu quả, đơn giản thuận tiện cho cơ quan nhà nước, cá nhân và tổ chức trong thực hiện dịch vụ công, thủ tục hành chính và các giao dịch khác; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân và tổ chức trong tiếp cận và sử dụng dữ liệu, đồng thời duy trì khuyến khích nghiên cứu các giải pháp tạo ra giá trị thông qua dữ liệu.

6. Đảm bảo tính kế thừa dữ liệu, hạn chế việc thu thập cập nhật lại các thông tin đã được lưu trữ, đồng bộ, quản lý tại Trung tâm dữ liệu quốc gia và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Lợi dụng việc xử lý dữ liệu, quản trị dữ liệu xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

L

2. Cản trở hoặc ngăn chặn trái pháp luật quá trình xử lý dữ liệu, quản trị dữ liệu hoặc có hành vi khác nhằm phá hoại hệ thống thông tin phục vụ xử lý dữ liệu.

3. Thu thập, cung cấp, sử dụng, truy cập, tiết lộ, hiển thị, phát tán, chia sẻ trái pháp luật dữ liệu.

4. Giả mạo, làm sai lệch hoặc xóa, hủy, sao chép, di chuyển trái pháp luật một phần hoặc toàn bộ dữ liệu.

5. Gian lận, chiếm đoạt hoặc sử dụng dữ liệu trái pháp luật.

6. Cố ý cung cấp thông tin sai lệch hoặc không cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật trong quá trình tạo lập, chia sẻ dữ liệu.

7. Kinh doanh, mua bán, trao đổi dữ liệu trái pháp luật.

Chương II

XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN, XỬ LÝ, QUẢN TRỊ DỮ LIỆU; ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG XỬ LÝ DỮ LIỆU; QUỸ PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU QUỐC GIA; HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ DỮ LIỆU

Điều 6. Thu thập, số hóa và tạo lập dữ liệu

1. Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được thu thập, số hóa, tạo lập và đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin, dữ liệu theo chức năng nhiệm vụ được giao.

2. Trung tâm dữ liệu quốc gia được thu thập, số hóa, tạo lập dữ liệu và yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp, chia sẻ, đồng bộ thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu tổng hợp và chỉ đạo điều hành của Chính phủ và tình trạng khẩn cấp công cộng trừ các thông tin, dữ liệu dùng riêng theo quy định của Luật này.

3. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được thu thập thông tin, dữ liệu khi được chủ thể dữ liệu đồng ý.

4. Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn về dữ liệu khi chia sẻ, tạo lập dữ liệu.

5. Dữ liệu được thu thập phù hợp với tính chất của loại dữ liệu gồm dữ liệu tĩnh, dữ liệu động, dữ liệu phân tích, thống kê.

Điều 7. Bảo đảm chất lượng dữ liệu

1. Kiểm tra, bảo đảm chính xác trước khi thu thập, cập nhật, điều chỉnh

2. Đúng đối tượng.

3. Đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn về loại dữ liệu thu thập

4. Bảo đảm tính toàn vẹn, sẵn sàng khai thác, sử dụng.

L

5. Quy định chuyển tiếp về việc chuẩn hóa chất lượng dữ liệu.

Điều 8. Phân loại dữ liệu

1. Dữ liệu dùng chung là dữ liệu được khai thác, sử dụng trong phạm vi cơ quan nhà nước.

2. Dữ liệu dùng riêng là dữ liệu được tiếp cận, khai thác, sử dụng trong phạm vi của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Dữ liệu mở là dữ liệu mà cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng đều được khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Dữ liệu tĩnh là dữ liệu ít có sự thay đổi sau khi xử lý.

5. Dữ liệu động là dữ liệu thường xuyên thay đổi, cập nhật, điều chỉnh theo kết quả của một quy trình, thủ tục, giao dịch cụ thể.

6. Dữ liệu phân tích, thống kê là dữ liệu được xử lý để tăng giá trị sử dụng so với dữ liệu ban đầu.

7. Độ mở của dữ liệu được xác định theo phạm vi tiếp cận, khai thác, sử dụng dữ liệu theo các mức độ: cơ quan, tổ chức cá nhân; dùng chung trong cơ quan nhà nước; ngành, lĩnh vực.

8. Dữ liệu chủ là dữ liệu chứa thông tin cơ bản nhất để mô tả một đối tượng cụ thể, làm cơ sở tham chiếu, đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu hoặc tập dữ liệu khác nhau.

Điều 9. Lưu trữ dữ liệu

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phải xác định loại dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu và phân loại, tổ chức lưu trữ dữ liệu theo mô hình sau:

- a) Kho dữ liệu mở phục vụ cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- b) Kho dữ liệu dùng chung trong phạm vi cơ quan nhà nước;
- c) Kho dữ liệu dùng riêng trong nội bộ, cơ quan, đơn vị.

2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện lưu trữ, xử lý dữ liệu tập trung, thống nhất hình thành các cơ sở dữ liệu theo mô hình tại khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu khác của cơ quan Nhà nước được lưu trữ và xử lý dữ liệu trên hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia trừ các cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin dùng riêng theo quy định của Luật này.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này thỏa thuận sử dụng dữ liệu trên hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia bằng hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân đó với tổ chức cung cấp dịch vụ khai thác dữ liệu và hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia.

5. Thời hạn lưu trữ dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 10. Kết hợp, chỉnh sửa, điều chỉnh và cập nhật dữ liệu

1. Kết hợp dữ liệu là việc kết hợp dữ liệu từ các nguồn khác nhau vào một tập dữ liệu duy nhất cho phân tích sau đó hoặc được lưu trữ trong kho dữ liệu. Các công cụ kết hợp dữ liệu giúp kết hợp dữ liệu và hầu hết đều yêu cầu chuẩn bị và chuẩn hóa trước khi có thể kết hợp dữ liệu với nhau.

2. Điều chỉnh và cập nhật dữ liệu là việc thực hiện bổ sung, sửa, xóa một hoặc nhiều bản ghi dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý cơ sở dữ liệu nào thì có trách nhiệm thực hiện điều chỉnh, cập nhật dữ liệu thường xuyên, liên tục đảm bảo tính chính xác, giá trị sử dụng của các thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó quản lý.

Điều 11. Chiến lược dữ liệu

1. Chính phủ ban hành Chiến lược dữ liệu quốc gia phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ chuyển đổi số quốc gia và hiện đại hóa công tác quản lý xã hội.

2. Thủ tướng Chính phủ ban hành chiến lược dữ liệu đối với cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm phù hợp với Chiến lược dữ liệu quốc gia.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chiến lược dữ liệu đối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành do mình quản lý, bảo đảm phù hợp với Chiến lược dữ liệu quốc gia.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 12. Quản trị dữ liệu

1. Yêu cầu về quản trị dữ liệu (bảo đảm đồng bộ, liên tục, kịp thời).

2. Đơn vị được giao quyền quản trị cơ sở dữ liệu của Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội phải phối hợp đơn vị chuyên trách về an ninh mạng thuộc Bộ Công an, an toàn thông tin thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Trung tâm dữ liệu quốc gia trong thực hiện việc bảo vệ an toàn, an ninh dữ liệu.

3. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu phải ban hành các chính sách, phân quyền quản lý, điều phối, giám sát, bảo mật dữ liệu áp dụng đối với cơ sở dữ liệu do mình quản lý.

Điều 13. Chia sẻ dữ liệu

1. Chia sẻ dữ liệu là hoạt động cung cấp các tài nguyên dữ liệu giống nhau cho nhiều ứng dụng, người dùng hoặc tổ chức.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo chức năng nhiệm vụ được giao.

3. Trung tâm dữ liệu quốc gia chia sẻ dữ liệu lưu trữ, quản lý tại Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ hoặc phục vụ giải quyết tình trạng khẩn cấp; trừ thông tin, dữ liệu dùng riêng theo quy định của Luật này.

Trường hợp phục vụ mục đích khác, Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện điều phối khi có yêu cầu hoặc được sự đồng ý, ủy quyền của chủ thể thông tin, sở hữu dữ liệu.

4. Việc chia sẻ dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu.

5. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc chia sẻ dữ liệu dùng riêng do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý để giải quyết tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

Điều 14. Cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước

1. Tổ chức, cá nhân phải thực hiện cung cấp, kê khai các thông tin, dữ liệu cho cơ quan nhà nước khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân được quyền tự nguyện đóng góp dữ liệu thuộc sở hữu hoặc được lưu trữ, thu thập theo quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước để phục vụ mục đích công cộng, hoạt động nghiên cứu khoa học hoặc tình trạng khẩn cấp công cộng (cung cấp cho Trung tâm dữ liệu quốc gia).

3. Chính phủ quy định chi tiết việc thực hiện cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước.

Điều 15. Phân tích, tổng hợp dữ liệu

Phân tích, tổng hợp dữ liệu là hoạt động chuyển đổi dữ liệu thô thành thông tin chuyên sâu hữu ích. Quá trình này bao gồm đa dạng các công cụ, công

nghệ và quy trình được áp dụng để tìm kiếm xu hướng và giải quyết vấn đề bằng dữ liệu.

Điều 16. Xác nhận, xác thực dữ liệu

1. Xác nhận dữ liệu là hoạt động thừa nhận dữ liệu là đúng sự thật.
2. Xác thực dữ liệu là hoạt động nhằm thiết lập hoặc chứng thực đối tượng dữ liệu là đáng tin cậy.

Điều 17. Công khai dữ liệu

1. Công khai dữ liệu là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân công bố, cung cấp thông tin chính thức về một tập dữ liệu nhất định.
2. Các hình thức công khai dữ liệu bao gồm:
 - a) Niêm yết thông tin;
 - b) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng;
 - c) Thông qua hội thảo, hội nghị trao đổi, đối thoại cung cấp thông tin;
 - d) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.
3. Thời điểm công khai dữ liệu đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
4. Các dữ liệu không được phép công khai (dữ liệu cá nhân mà không được chủ thể dữ liệu đồng ý; dữ liệu là bí mật nhà nước; dữ liệu tác động đến quốc phòng, an ninh).

Điều 18. Truy cập, truy xuất dữ liệu

1. Truy cập dữ liệu là hoạt động lấy dữ liệu từ một nguồn và hiển thị chúng cho người dùng hoặc ứng dụng.
2. Truy xuất dữ liệu là hoạt động lấy ra các dữ liệu lưu trữ thoả mãn một số tiêu chí nào đó.

Điều 19. Mã hóa, giải mã dữ liệu

1. Đối với dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước, khi truyền, nhận, chia sẻ phải được mã hóa bằng mật mã của cơ yếu.
2. Đối với dữ liệu đã được mã hóa, bên nhận thực hiện giải mật về dạng dữ liệu có thể đọc, hiểu được như dữ liệu ban đầu.
3. Ban Cơ yếu Chính phủ là cơ quan mật mã quốc gia có trách nhiệm triển khai các sản phẩm mã hóa, giải mã dữ liệu.

4. Mã hóa dữ liệu là việc chuyển đổi dữ liệu từ định dạng có thể đọc được sang định dạng được mã hóa. Dữ liệu được mã hóa chỉ có thể được đọc hoặc xử lý sau khi được giải mã.

5. Giải mã dữ liệu là quá trình chuyển đổi dữ liệu đã được mã hóa thành dữ liệu có thể đọc được, đúng với dữ liệu gốc.

Điều 20. Sao chép, truyền đưa, chuyển giao dữ liệu

1. Sao chép dữ liệu là hoạt động truy xuất dữ liệu và lưu trữ các dữ liệu được truy xuất lên môi trường riêng biệt với bản gốc.

2. Truyền đưa dữ liệu là hoạt động chuyển giao dữ liệu qua một kênh truyền.

3. Chuyển giao dữ liệu là hoạt động chuyển một số hoặc tất cả các quyền và nghĩa vụ đối với dữ liệu cho người, tổ chức khác thông qua một thỏa thuận bằng văn bản.

Điều 21. Thu hồi, xóa, hủy dữ liệu

1. Thu hồi dữ liệu là hoạt động lấy lại dữ liệu đã phát, chia sẻ cho các cá nhân, tổ chức hoặc công khai trên phương tiện truyền thông đại chúng.

2. Xóa dữ liệu là hoạt động loại bỏ dữ liệu khỏi cấu trúc, môi trường đang được lưu trữ.

3. Hủy dữ liệu là hoạt động loại bỏ dữ liệu khỏi cấu trúc, môi trường đang được lưu trữ và đảm bảo dữ liệu đã loại bỏ không có khả năng phục hồi.

Điều 22. Ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu

1. Nhà nước khuyến khích việc xử lý, quản trị dữ liệu thông qua ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, công nghệ chuỗi khối, công nghệ truyền thông dữ liệu, công nghệ Internet vạn vật, công nghệ dữ liệu lớn và các công nghệ hiện đại khác để phục vụ công tác quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng yêu cầu trong chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

2. Nguyên tắc trong phát triển công nghệ trong xử lý dữ liệu.

3. Nguyên tắc trong ứng dụng công nghệ (vào quản lý nhà nước, vào phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ hoạt động của xã hội).

4. Định hướng phát triển, sử dụng các công nghệ tại Việt Nam

Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công Nghệ tham mưu, trình Chính phủ ban hành Chiến lược về phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, công nghệ chuỗi khối, công nghệ truyền thông dữ liệu, công nghệ Internet vạn vật, công nghệ dữ liệu lớn và các công nghệ hiện đại khác.

